1. Công thức chung của tư bản là gì? Vì sao vận động theo công thức H-T-H tiền không lớn mà vận động theo công thức T-H-T tiền lại lớn lên?

Tiền muốn trở thành tư bản thì nó phải vận động lớn lên, tiền phải mang lại giá trị thặng dư. Muốn vậy thì không thể vận động theo công thức H-T-H mà phải vận động theo công thức T-H-T' nên T-H-T' được gọi là công thức lưu thông tư bản.

Ta có: T-H-T' (công thức chung của tư bản) và H-T-H (công thức lưu thông hàng hóa giản đơn)

Hai công thức trên:

- Giống: đều được tạo nên bởi 2 yếu tố hàng và tiền, đều chứa đựng 2 hành vi đối lập nhau là mua và bán, đều biểu hiện quan hệ kinh tế giữa người mua và người bán
- Khác: Lưu thông hàng hóa giản đơn bắt đầu bằng hành vi bán (H-T) và kết thúc bằng hành vi mua (T-H), điểm xuất phát và kết thúc đều là hàng hóa, tiền chỉ đóng vai trò trung gian, mục đích cuối cùng của quá trình này là giá trị sử dụng. Ngược lại lưu thông tư bản bắt đầu bằng hành vi mua (T-H) và kết thúc bằng hành vi bán (H-T) điểm xuất phát và kết thúc đều là tiền, hàng hóa chỉ đóng vai trò trung gian, mục đích cuối cùng của lưu thông tư bản là giá trị và là giá trị lớn hơn. Số tiền ứng ra ban đầu với mục đích thu được giá trị thặng dư trở thành tư bản. Do đó tiền chỉ biến thành tư bản khi được dùng để mang lại giá trị thặng dư.

Công thức T-H-T' với T'= T+m được coi là công thức chung của tư bản. Mọi tư bản đều vận động theo quy luật này với mục đích cuối cùng là đem lại giá trị thặng dư. Như vậy, tư bản là tiền tự lớn lên hay giá trị sinh ra giá trị thặng dư.

2. Mâu thuẫn công thức chung của tư bản là gì? Vì sao lại nói giá trị thặng dư vừa được tạo ra trong lưu thông lại vừa không được tạo ra trong lưu thông?

<u>Trong lưu thông</u>:

+ Nếu mua - bán ngang giá thì chỉ có sự thay đổi hình thái của giá trị: từ tiền thành hàng hoặc từ hàng thành tiền. Còn tổng số giá trị trong tay mỗi người tham gia trao đổi trước sau vẫn không thay đổi.

+ Trong trường hợp trao đổi không ngang giá, hàng hóa có thể bán cao hơn hoặc thấp hơn giá trị. Nhưng, trong nền kinh tế hàng hóa, mỗi người sản xuất đều vừa là người bán, vừa là người mua. Cái lợi mà họ thu được khi bán sẽ bù lại cái thiệt khi mua hoặc ngược lại. Cụ thể:

- Bán hàng cao hơn giá trị nhà tư bản sẽ được khi bán cao và sẽ mất khi mua.
- Bán hàng thấp hơn giá trị nhà tư bản sẽ được do mua rẻ và sẽ mất khi bán.
- Trong trường hợp có những kẻ chuyên mua rẻ, bán đắt thì tổng giá trị toàn xã hội cũng không hề tăng lên, bởi vì số giá trị mà những người này thu được chẳng qua chỉ là sự ăn chặn, đánh cắp số giá trị của người khác mà thôi.

Như vậy lưu thông và bản thân tiền tệ trong lưu thông không hề tạo ra giá trị.

<u>Ngoài lưu thông</u>:

+ Nếu người có tiền không tiếp xúc gì với lưu thông, tức là đứng ngoài lưu thông thì cũng không thể làm cho tiền của mình lớn lên được.

"Vậy là tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông". → mâu thuẫn

+Nhà tư bản đã làm cách nào để giải quyết được mâu thuẫn công thức chung của tư bản?

Để giải quyết mâu thuẫn chung của công thức tư bản cần tìm cho thị trường một loại hàng hóa mà việc sử dụng nó tạo ra giá trị lớn hơn giá trị của bản thân nó, đó chính là HÀNG HÓA SỨC LAO ĐỘNG

Sức lao động là cái có trước hàng hóa, còn lao động chính là quá trình sử dụng sức lao động đó, giống với các hàng hóa khác hàng hóa sức lao động cũng có 2 thuộc tính giá trị và giá trị sử dụng.

Hàng hóa sức lao động là sự tổng hợp về thể lực và trí lực của con người có thể sử dụng trong quá trình lao động để tạo ra của cải vật chất.

Giá trị sử dụng sức lao động thể hiện ở quá trình tiêu dùng (sử dụng) sức lao động, tức là quá trình lao động để sx ra một loại hàng hóa, 1 dịch vụ nào đó..

Trong quá trình lao động, sức lao động tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó; phần giá trị dôi ra so với giá trị sức lao động là giá trị thặng dư → đó là điểm khác biệt với hàng hóa thông thường vì sao quá trình tiêu dùng hay sử dụng thì cả giá trị hay giá trị sử dụng đều biến mất theo thời gian.

→Đó chính là đặc điểm riêng có của giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động. Đặc điểm này là chìa khoá để giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản.

3. Trong chủ nghĩa tư bản quá trình nào làm cho quy moo các công ty xí nghiệp tư bản và do đó quy mô của sản xuất tư bản lớn lên nhanh chóng? Hãy làm rõ cơ chế tác động của quá trình này?

(1) Quá trình tích lũy là quá trình tích tụ và tập trung tư bản ngày càng tăng. Và đó chính là quá trình tích tụ và tập trung

Tích lũy tư bản là biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản để mở rộng sản xuất, tăng thêm quy mô bóc lột.
Tích tụ tư bản là sự tăng thêm quy mô tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa một phần giá trị thặng dư. Tích tụ tư bản là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản
Tập trung tư bản là sự tăng thêm quy mô tư bản bằng cách kết hợp nhiều tư bản nhỏ thành một tư bản lớn hơn.
Phân biệt giữa tích tụ và tập trung tư bản:
- Giống nhau: Đều tăng qui mô tư bản cá biệt
- Khác nhau:
+ Tích tụ tư bản thì qui mô tư bản cá biệt tăng, tư bản x• hội tăng, tích tụ bản phản ánh mối quan hệ giữa công nhân và nhà tư bản trong xí nghiệp.
+ Tập trung tư bản thì qui mô tư bản cá biệt tăng, tư bản x• hội không đổi, tích tụ bản phản ánh mối quan hệ giữa các nhà tư bản với nhau. Phân biệt giữa tích tụ và tập trung tư bản:
- Giống nhau: Đều tăng qui mô tư bản cá biệt
- Khác nhau:
+Nguồn của tích tụ tư bản là giá trị thặng dư, do đó tích tụ tư bản làm tăng quy mô của tư bản cá biệt, đồng thời làm tăng quy mô của tư bản xã hội. Còn nguồn để tập trung tư bản là những tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội, do đó tập trung tư bản chỉ làm tăng quy mô của tư bản cá biệt mà không làm tăng quy mô của tư bản xã hội.
+Tích tụ tư bản phản ánh trực tiếp mối quan hệ giữa tư bản và lao động: nhà tư bản tăng cường bóc lột lao động làm thuê để tăng quy mô của tích tụ tư bản. Còn tập trung tư bản phản ánh trực tiếp quan hệ cạnh tranh trong nội bộ giai cấp các nhà tư bản; đồng thời nó cũng tác động đến mối quan hệ giữa tư bản và lao động.
+ Tích tụ tư bản thì qui mô tư bản cá biệt tăng, tư bản xã hội tăng. Còn tập trung tư bản thì qui mô tư bản cá biệt tăng, tư bản xã hội không đổi.
(2) Đó là mối quan hệ tạo điều kiện thúc đẩy lẫn nhau, tích tụ tư bản làm tăng khả năng cạnh tranh dẫn đến thúc đẩy tập trung tư bản, tạo điều kiện để ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, nâng cao m' , tạo điều kiện để tích tụ tư bản.
Tích tụ và tập trung tư bản dẫn đến tích tụ tập trung sản xuất, sản xuất qui mô lớn ra đời, quá trình này diễn ra thông qua cạnh tranh, trong đó tín dụng giữ vai trò đòn bẩy để thúc đẩy tập trung sản xuất.

4. Ở nước ta hiện nay có tình trạng nhân khẩu thừa tương dối không nếu có thì nó tồn tại dưới hình thức nào và phải làm gì để khắc phục được tình trạng trên?

Một bộ phận dân cư lao động thất nghiệp và tạo thành đội quân hậu bị công nghiệp. Là khái niệm do Mac K. (K. Marx) nêu ra. Nạn nhân khẩu thừa đó gọi là tương đối, vì sức lao động thừa chỉ là thừa so với nhu cầu của tư bản về sức lao động. Đội quân hậu bị công nghiệp là sản phẩm tất yếu của tích luỹ tư bản, đồng thời là điều kiện tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Đến giai đoạn phục hồi và hưng thịnh của chu kì tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, đội quân hậu bị công nghiệp lại được sử dụng để thoả mãn nhu cầu tăng lên về sức lao động cho tái sản xuất mở rộng. Vào giai đoạn khủng hoảng và tiêu điều, quy mô của đội quân hậu bị công nghiệp lại tăng lên. NKTTĐ tồn tại dưới ba hình thức: nhân khẩu thừa lưu động, nhân khẩu thừa tiềm tàng trong nông nghiệp, nhân khẩu thừa ngưng trệ.

Ngày nay với sự phát triển vượt bậc của KHKT đã không ít tạo ra những nhảy vọt về mọi, đã đưa nhân loại tiế xa hơn nữa. Trong những năm gần đây chúng ta đã đạt được một số thành tựu phát triển rực rỡ về KHKT các ngành như dịch vụ, du lịch, xuất khẩu, lương thực thực phẩm sang các nước. Song dù nền kinh tế có phát triển đến đâu thì tình trạng nhân khẩu thừa tương đối vẫn không thể tránh khỏi và nó vẫn tồn tại dưới ba hình thức là nhân khẩu thừa lưu động, nhân khẩu thừa tiềm tàng trong nông nghiệp, nhân khẩu thừa ngưng trệ.

- Nhân khẩu thừa lưu động là loại lao động bị sa thải ở xí nghiệp này nhưng lại tìm được việc làm ở xí nghiệp khác, nói chung số này chỉ mất việc làm từng lúc.
- Nhân khẩu thừa tiềm tàng là nhân khẩu thừa trong nông nghiệp đó là những người nghèo ở nông thôn thiếu việc làm và cũng không thể tìm được việc làm trong công nghiệp.
- Nhân khẩu thừa ngừng trệ là những người hầu như thường xuyên thát nghiệp, thỉnh thoảng mới tìm được việc làm tạm thời nhưng với tiền công rất thấp sống lang thang tạo thành tầng lớp dưới đáy của xã hội

Để khắc phục tình trạng trên:

+Tăng nguồn vốn đầu tư (chủ yếu lấy từ dự trữ quốc gia, vay nước ngoài).

+Sáp xếp lại và nâng cao hiệu quả của hệ thống dịch vụ việc làm.

+Xã hội hóa và nâng cao chất lượng đào tạo hệ thống đào tạo dạy nghề

+Xây dựng và phát triển mạng lưới thông tin thị trường lao động quốc gia.

+Thành lập hệ thống hội đồng tư vấn việc làm từ trung ương đến địa phương.

+Xuât khẩu lao động tại chỗ và nước ngoài.

+Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

5. Quá trình tích lũy tư bản là quá trình bần cùng hóa giai cấp vô sản đây là quy luật mà Mác phát hiện khi nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh. Vậy trong CNTB trung đại quy luật này có còn hoạt động không, dựa vào những dấu hiệu nào để nhận biết điều đó.

Trong CNTB trung đại quy luật này có còn hoạt động. Ta có thể nhận biết ở: chủ nghĩa tư bản trung đại hình thành, trước tiên là từ sự tích luỹ về tư bản và nhân công.

về tư bản (vốn): được hình thành trong một thời gian dài, qua nhiều con đường khác nhau như từ sự phát triển của buồn bán; hệ quả của các cuộc phát kiến địa lý, và việc tìm ra các vùng đất mới đã thúc đẩy việc xâm chiếm đất đai ở thuộc địa,cướp thuộc địa và buôn bán nô lệ=>tạo ra nguồn tư bản khổng lồ,tập trung tư bản trongg tay một số người.

về nhân công: quá trình tích luỹ đòi hỏi nguồn nhân công lớn.Việc bần cùng hoá người nông dân, việc tước đoạt tư liệu sản xuất của người dân lao động đã khiến người nông dân phải ra thành thị bán sức lao động để kiếm sống, những người thợ thủ công cũng phải đi làm thuê kiếm sống

=>đã đáp ứng được nhu cầu nhân công của quá trình tích luỹ.

Chủ nghĩa tư bản hình thành trên các lĩnh vực kinh tế:

Trong công nghiệp: ngay từ đầu TK XVI, ở thời kỳ trung đại đã xuất hiện các công trường thủ công thay thế dần cho các phường hội.

Trong nông nghiệp: nông dân không có ruộng phải làm công ăn lương cho các chủ trại, quan hệ giữa lãnh chúa và người nông nô trước kia được thay thế bằng quan hệ giữa chủ trại và công nhân nông nghiệp.

Trong thương nghiệp: các công ty thương nghiệp lớn ra đời thay thế các thương hội như Đông Ấn,Tây Ấn...từ đó xuất hiện tầng lớp đại phú thương hết sức giàu có (tư sản mại bản).

Xã hội các jai cấp mới được hình thành.

Những người thợ cả, thương nhân giàu có, chủ trại...nắm giữ nguồn tư bản khổng lồ,có nhiều nhân công, nhưng không có thế lực chính chính trị tương ứng =>tư sản.

Những người dân lao động chiếm số đông trong xã hội, bị bóc lột thậm tệ, lao đông vất vả mà đời sống lại vô cùng khó khăn => vô sản

6. Để sản xuất hàng hóa nhà tư bản phải bỏ chi phí ra đầu tư. Vì sao Mác lại nói chi phí sản xuất không liên quan gì đến việc hình thành giá trị cuả hàng hóa và cũng không liên quan gì đến việc hình thành giá trị thặng dư? thực ra giữa chúng có liên quan với nhau không, nếu có thì liên quan như thế nào?

Như chúng ta đã biết, muốn tạo ra giá trị hàng hóa, tất yếu phải chi phí một số lao động nhất định gọi là chi phí lao động bao gồm lao động quá khứ và lao động hiện tại. Lao động quá khứ (lao động hóa) tức là giá trị của tư liệu sản xuất (c), lao động hiện tại (lao động sống) tức là lao động tạo ra giá trị mới (v + m)

Đứng trên quan điểm xã hội mà xét, chi phí lao động đó là chi phí thực tế của xã hội, chi phí tạo ra giá trị hàng hóa. Kí hiệu giá trị hàng hóa: W= c + v + m

Song, đối với nhà tư bản họ không phải chi phí lao động để sản xuất hàng hóa cho nên họ không quan tâm đến điều đó. Trên thực tế, họ chỉ quan tâm đến việc ứng tư bản để mua tư liệu sản xuất (c) và mua sức lao động (v). Do đó, nhà tư bản chỉ xem hao phí hết bao nhiêu tư bản, chứ không tính đến hết bao nhiêu hao phí lao động xã hội, C.Mác gọi chi phí đó là chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, kí hiệu k: k= (c + v)

Vậy chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa là chi phí về tư bản mà nhà tư bản bỏ ra để sản xuất hàng hóa.

Khi xuất hiện chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa thì công thức giá trị hàng hóa W= (c + v + m) sẽ chuyển thành W= (k + m)

Như vậy giữa giá trị hàng hóa và chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa có sự khác nhau cả về mặt lượng và chất.

Về mặt lượng, chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn nhỏ hơn chi phí thực tế hay giá trị hàng hóa: (c + v) < (c + v + m)

Vì tư bản sản xuất được chia thành tư bản cố định và tư bản lưu động cho nên chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn luôn nhỏ hơn tư bản ứng trước.

Về mặt chất: chi phí thực tế là chi phí lao động, phản ánh đúng, đầy đủ hao phí lao động xã hội cấn thiết để sản xuất và tạo ra giá trị hàng hóa còn chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa (k) chỉ phản ánh hao phí của nhà tư bản mà thôi,, nó không tạo ra giá trị hàng hóa.

C.Mác viết phạm trù chi phí sản xuất không có quan hệ gì với quá trình làm cho tư bản tăng thêm giá trị.

Nhưng thực ra giữa chúng có liên quan với nhau:

Việc hình thành chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa (k) che đậy thực chất của CNTB. Giá trị hàng hóa W= (k + m), trong đó k= (c + v). Nhìn vào công thức trên thì sự phân biệt giữa c và v đã biến mất, người ta thấy dường như k sinh ra m. Chính ở đây chi phí lao động bị che lấp bởi chi phí tư bản (k), lao động thực thể là nguồn gốc của giá trị thì bị biến mất và giờ đây hình như toàn bộ chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa sinh ra giá trị thặng dư.

7. Quá trình tích lũy tư bản làm cho cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng lên nên tỷ suất lợi nhuận của nền kinh tế tư bản có xu hướng giản xuống. Vậy nhà tư bản phải làm cách gì để hạn chế sự giảm xuống của tỷ suất lợi nhuận?

▪Phụ thuộc vào tỷ suất giá trị thặng dư. Tỷ suất lợi nhuận là hình thức chuyển hóa của tỷ suất giá trị thặng dư nên giữa chúng có mối liên hệ phụ thuộc vào nhau, nếu là một đại lượng không đổi thì p' tỉ lệ thuận với m'. Do đó nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư cũng là biện pháp nâng cao tỷ suất lợi nhuận.

▪Phụ thuộc vào tốc độ chu chuyển của tư bản. Nếu tốc độ chu chuyển của tư bản (n) tăng thì khối lượng tư bản hoạt động trong năm sẽ lớn (mặc dù khối lượng tư bản ứng trước không thay đổi) làm cho khối lượng giá trị thặng dư hàng năm tăng lên, do đó tỷ suất lợi nhuận hàng năm cũng tăng lên. Tỷ suất lợi nhuận tỉ lệ thuận cới số vòng chu chuyển và tỉ lệ nghịch với thời gian chu chuyển của tư bản. Do đó để nâng cao tỷ suất lợi nhuận các nhà tư bản đều tìm mọi cách rút ngắn thời gian sản xuất và thời gian lưu thông hàng hóa của mình.

▪Tiết kiệm tư bản bất biến. Trong công thức p' = m/(c + v).100% nếu m và v là những đại lượng không đổi thì tỷ suất lợi nhuận sẽ vận động ngược chiều với tư bản bất biến. Vì thế để nâng cao tỷ suất lợi nhuận, các nhà tư bản tìm mọi cách tiết kiệm tư bản bất biến như sử dụng máy móc, thiết bị, nhà xưởng, nhà kho, phương tiện vận tải với hiệu quả cao nhất, thay nguyên liệu đắt tiền thành nguyên liệu rẻ tiền, giảm chi tiêu bảo hiểm lao động, môi trường, giảm tiêu hao vật tư, năng lượng và tận dụng phế liệu, phế phẩm, phế thải trong tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân của xã hội để sản xuất hàng hóa.

8. Trong công thức p = k.p' thì p là lợi nhuận của lượng tư bản nào? Vì sao nói trong điều kiện CNTB tự do cạnh tranh quy luật giá trị thặng dư được biểu hiện dưới hình thức quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân, hãy nói rõ nội dung và ý nghĩa của quy luật này?

p: lợi nhuận của lượng tư bản k, k là một lượng tư bản nhất định nào đó. Lợi nhuận bình quân: là lượng lợi nhuận mà một tư bản thu được theo tỷ suất lợi nhuận bình quân - không kể cấu thành hữu cơ của nó như thế nào.

Trong xã hội có nhiều ngành sản xuất khác nhau, với những điều kiện sản xuất không giống nhau, lợi nhuận thu được và tỷ suất lợi nhuận cũng sẽ không giống nhau. Điều này dẫn đến việc cạnh tranh giữa các ngành. Đó là sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp tư bản kinh doanh trong các ngành sản xuất khác nhau, nhằm mục đích tìm nơi đầu tư có lợi hơn. Chính vì điều này mà dẫn đến việc các nhà tư bản di chuyển từ các ngành lợi nhuận ít sang những ngành có lợi nhuận cao hơn. Sự tự do di chuyển tư bản từ ngành này sang ngành khác làm thay đổi tỷ suất lợi nhuận ngành và dẫn đến hình thành tỷ suất lợi nhuận ngành ngang nhau. Đó là tỷ suất lợi nhuận chung hay tỷ suất lợi nhuận bình quân. Tỷ suất lợi nhuận bình quân là "con số trung bình" của tất cả các tỷ suất lợi nhuận khác nhau hay là tỷ số phần trăm giữa tổng giá trị thặng dư và tổng tư bản XH. Khi hình thành tỷ xuất lợi nhuận bình quân, ta có thể tính được lợi nhuận bình quân của từng ngành. Đây là lợi nhuận bằng nhau của tư bản bằng nhau đầu tư vào những ngành khác nhau. Nó chính là lợi nhuận mà nhà tư bản thu được căn cứ vào tổng tư bản đầu tư, nhân với tỷ suất lợi nhuận bình quân, không quan tâm đến cấu thành hữu cơ của nó. Sự xuất hiện của lợi nhuận bình quân đã biến quy luật giá trị thặng dư trở thành quy luật lợi nhuận bình quân (tổng lợi nhuận bình quân bằng tổng giá trị thặng dư).

***** Việc nghiên cứu sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân, lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất có ý nghĩa rất quan trọng.

Về mặt lý luận, nó giúp ta thấy được sự phát triển lý luận giá trị và giá trị thặng dư của Mác theo tiến trình đi từ trừu tượng đến cụ thể. Mặt khác, nó còn phản ánh quan hệ cạnh tranh giữa các nhà tư bản trong việc giành giật lợi nhuận với nhau.

Về mặt thực tiến, nó vạch rõ toàn bộ giai cấp tư sản đã bóc lột toàn bộ giai cấp công nhân. Vì vậy, muốn giành thắng lợi, giai cấp công nhân phải đoàn kết, đấu tranh với tư cách là một giai cấp, kết hợp đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị.

9. Trong CNTB giá trị thặng dư được biểu hiện dưới những hình thức cơ bản nào, hãy định nghĩa các hình thức ấy?

Có 3 hình thức:

▪Lợi nhuận (p):

Do có sự chênh lệch về lượng giữa giá trị hàng hoá và chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, nên khi bán hàng hóa đúng giá trị trừ đi phần tư bản ứng ra, nhà tư bản còn thu về tiền lời (ngang bằng với m) và được gọi là lợi nhuận, ký hiệu P

Vậy: Lợi nhuận là hình thái chuyển hóa của giá trị thặng dư, được quan niệm như con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước.

"Giá trị thặng dư, được quan niệm là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước mang hình thái chuyển hóa là lợi nhuận

▪Lợi tức (z):

Lợi tức (z) là một phần lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay để hoạt động phải trả cho người cho vay về quyền được tạm sử dụng tư bản tiền tệ. Nguồn gốc của lơi tức cũng chính là từ giá trị thặng dư do công nhân làm thuê tạo ra trong lĩnh vực sản xuất.

▪Địa tô (R)

Địa tô TBCN là bộ phận giá trị thặng dư siêu ngạch do công nhân làm thuê trong nông nghiệp tạo ra và do nhà tư bản thuê đất nộp cho địa chủ. - Nguồn gốc của địa tô: là giá trị thặng dư do công nhân nông nghiệp tạo ra. - Cơ sở của địa tô: là quyền sở hữu ruộng đất.

Câu6: Hãy CM sức lđ là 1 hàng hoá đặc biệt? Ý nghĩa của việc nc vấn đề này.

" Tư bản ko thể xuất hiện từ lưu thông và cũng ko thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phỉa xh trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông. Đó là mâu thuẫn của công thức chung của TB. Để giải quyết mâu thuân đó, cần tìm trên thị trường 1 loại hàng hoá mà việc sd nó có thể tạo ra được giá trị lớn hơn giá trị củabản than nó. Hàng hoá đó là h2 sức lđ.

Sức lđ là toàn bộ những thế lực và trí lựcở trong than thể 1 con người, trong nhân cách sinh động của con người , thể lực và trílực mà con người phải làm cho hđ để sx ra những vật có ích.

Sức lđ là cái có trước, còn lđ chính là qtrình sd sức lao động. Sức llđ khác với lđ mới chỉ là khả năng của lđ còn lđ là sự tiêu dùng lđ trong hiện thực.

Qtrình sx là qtrình kết hợp của 3 yếu tô sức lđ, đói tq lđ, tư liệu lđ. Trong đo, sức lđ giữ vai trò là yếu tố cơ bản và qtrọng nhất.

Sức lđ là yếu tố quan trọng nhất nhưng không phải lúc nào sức lđ cũng trở thành h2. Sức lđ chỉ trở thành h2 khi có 2 điều kiện sau.

- Thứ nhất, người lđ phải được tự do về than thể, có quyền sở hữu sức lđ của mình và chỉ bán sức lđ ấy trong 1 t/g nhất định.

- Thứ 2, người lđ có TLSX cần thiết để tự mình đứng ra tổ chức sx nên muốn sống chỉ còn cách bán sức lđ cho người khác sd

Việc sức lđ trở thành h2 đánh dấu 1 bước ngoặt CM(.) ph thức kết hợp người lđ với TLSX là 1 bước tiến lsử so với chế độ nô lệ và pk. Sự bình đẳng về hình thức giữa ngừoi sở hữu sức lđ với người sở hữu TB che đậy b/c của CNTB chế độ được xd trên sự đối kháng lợi ích kt giữa TB và lđ(b/c phát triển mới của lịch sử từ PTSX pk chuyển sang PTSXTBCN, là đk quyết định để tiền chuyển hoá thành TB, là người gốc tạo ra GTTD)

Giống như mọi h2 khác, h2 sức lđ cũng có 2 thuộc tính: gtrị và gtrị sd.

* Gtrị h2 sức lđ cũng do số lượng lđ xh cần thiết để sx và tái sx ra nó quyết định

Nhưng sức lđ chỉ tồn tại như năng lực sống của con người. Muốn tái sx ra năng lượng người CN phải tiêu dùng 1 lượng TL sh nhất định về ăn, ở,mặc, học nghề … Ngoài ra người lđ cần ophả TM những nhu cầu của gđ và con cái anh ta nữa. Chỉ có như vậy, thì sức lđ moíư được sx và tái sx ra 1 cách liên tục. Tức là, gtrị sức lđ đc quy về gtrị của toàn bộ các TLsh cần thiết để sx và tái sx sức lđ để duy trì đ/s của người CN làm thuê và gia đình họ.

Là h2 đặc biệt, gtrị h2 sức lao động khác với h2 thông thường ở chỗ nó bao hàm cả ýêu tố tinh thần và yếu tố lsử, phụ thuộc vào h/c lsử của từng nước. từng thời kì, phụ thuộc vào tình độ văn minh đã đạt được, vào đk lsử hình thành g/c CN và cà đk địa lí, KH.

Lương gtrị h2 sức lđ do những bộ phận sau hopự thành.

- Một là, grtị những TL sh về v/c và tịnh thần cần thiết đẻ tái sx sức lđ, duy trì đ/s của bản thần người CN;

- Hai là, phí tổn đào tạo người CN.

- Ba là, gtrị những TL sh v/c và tinh thần cần thiết cho con cái người CN.

Gtrị sức lđ biến đổi trong từng thời kì nhất định do: sự tăng nhu cầu TB của xh về h2 dvu, về học tập, nâng cao trình độ lành nghề đã làm tăng gtrị sức lđ và sự phát triển NSlđ xh làm giảm gtrị sức lđ.

* Gtrị sd của h2 sức lđ: thể hiện ở qtrình tiêu dùng(sd) sức lđ, tức là qtrình lđ để sx ra 1 h2, dvụ nào đó.

Tuy nhiên, qtrình sd hay tiêu dùng h2 sức lđ khác với qtrình tiêu dùng hay sd h2 thông thường ở chỗ: h2 thông thường sau qtrình tiêu dùng hay sd thì cả grtị lẫn gtrị sd đều tiêu biến theo t/g. Trái lại, qtrình tiêu dùng h2 sức lđ, đó lại là qtrình sx ra 1 loạt hàng h2 nào đó, đồng thời là qtrình tạo ra gtrị mới lớn hơn gtrị của bản than h2 sức lđ. Phần lớn hơn, dôi ra đó là GTTD mà nhà TB sẽ chiếm đoạt. Như vậy, GT sd của h2 sức lđ có t/c đặc biệt, nó là nguồn gốc sỉnha gtrị, tức là nó có thể tạo ra gtrị mới> gtrịcủa bản thân nó.

Đó chính là đ2 riêng có của gtrị sd của h2 sức lđ. Đ2 này là chìa khoá để giải quyết mâu thuẫn (.) CT chung của TB. Chính đ2 này đã làm cho sự xh của h2 sức lđ trở thành đk để tiền tệ chuyển thành tư bản.

* Ý nghĩa của việc n/c vđề này

N/c vđề này ta xđ đc rằng nguồn gốc đích thực tạo ra GTTD là lđ của người CN ko đc trả công hay h2 sức lđ. Bởi vì h2 sức lđ có thể tạo ra 1 lg gtrị mới > gtrị bản thân nó

Bản chất bóc lột của CNTB đc bộc lộ bởi nhà TB đã chiếm đoạt o công phần GT dôi ra mà người CN tạo ra.

H2 sức lđ là chìa khoá để giải quyết mâu thuẫn(.) CT chung cuả TB.

Lí luận h2 sức lđ là lí l uận hết sức cơ bản trong học thuyêt GTTD, nhờ đó mà Mác đã xd học thuyết GTTD 1 cách KH. Lí l uận này vạch rõ bác bỏ những quan niệm sai lầm nhằm bvệ và che dấu sự bóc lột của TB đv người lđ.

Khi sức lđ trở thành h2, nó boá hiệu 1 gđ mới của sự phát triển xh. Đó là gđ sx h2 đã phát triển cao và chiếm địa vị thống trị (.) nền kt.

Lí luận h2 sức lđ còn vạch rõ b/c của tiền công dưới CNTB.

Sức lđ là h2 đặc biệt vì vậy ta phải có cơ ché chính sách đặc biệt để sd nó có hiệu quả. VD: DN...phải

Câu 7: Khi CMKHCN phát triển, máy móc đảm nhiệm các khâu chủ yếu (.) sx, vai trò của lđ sống chuyển từ vai trò trực tiếp sang vai trò gián tiếp thì sức lđ có còn là nhân tố duy nhất sang tạo ra GTTD ko? Vì sao?

Khi CMKHCN phát triển, mát móc đã đảm nhiêm những khâu chủ yếu (.) sx, vai trò của lđ sống chuyển từ vai trog trực tiếp sang vai trò gián tiếp. Nhưng sức lđ vẫn là nhân tố duy nhất sang tạo ra GTTD.

Để sx GTTD, nhà TB phải ứng trứoc TB ra để mua TLSX và sức lđ. Và các bộ phân khác nhau có những vai trò khác nhau (.) qtrình sx GTTD.

Trứoc hđ, xét bộ phận TB tồn tại dứoi hình thức TLSX. Trong quá trình sx, gtrị của TLSX đc lđ cụ thể của người CN chuyển vào sp mới và lg gtrị của chúng o đổi so voíư trước khi đưa vào sx. Đó là bộ phận TB bất biến (c). CHo dù KHCNcó phát triển thì để có thể sx được thì vẫn phải cần đến sự điều khiển, vận hành của người CN thì nó moíư co thể hđ đc, mới có hể bảo tồn và chuyển hoá hết gtrị vào sp. Đồng thời, máy móc, KHCN đc chế tạo ra vẫn không thể thay thế hoàn toàn con người, cụ thể là người lđ, người lđ vẫn phải điều khiển, điều hành và bảo dưỡng máy móc voíư mđ dùng máy móc (.) sx để giảm phần nặng nhọc và kh2 (.) sx.

Bộ phận TB dùng để mua sức lđ thì khác Một mặt, gtrị của nó biến thành các TLSH của người CN và biến đi (.) tiêu dùng của CN. Mặt khác trong quá trình sx, bằng lđ trừu tượng, người CN tạo ra gtrị mới o những bù đắp sức lđ của mình mà còn có GTTD cho nhà TB. Đó là sự hao phí về sức óc, trí tuệ của người CN khi sx h2 tạo ra phần gtrị mới đó cho sp cũng như tạo thêm GTTD cho nhà TB. Đây là điều mà o có 1 loại máy móc hay thiết bị KHCN hiện đại nào có thể làm được.

Không chỉ có vậy, (.) nền sx h2, sự phân công lđ diễn ra mạnh mẹ nhưng có tính quy luật đó là lđ giản đơn cơ bắp, thể lực năng nhọc giảm, tăng lđ trí tuệ ngày càng kđ vai trò quyết định của mình trong việc sx GTTD. Việc sd lđ trí tuệ đã tạo ra lg GTTD ngày càng nhiều cho nhà TB.

Do vậy, bộ phận TB dùng để mua sức lđ đã có sự biến đổi về lg (.) qtrình s. Đó là bộ phận TB khả biến(v).

Tóm lại (.) qtrình sx GTTD, TBBB chỉ là đk để sx GTTD la nguồn gốc duy nhất của GTTD là do sức lđ của CN làm thuê tạo ra và o được trả công. Nó CMR o phải máy móc, TLSX mà chỉ có lđ sống mới taọ GTTD, vạch rõ b.c bóc lột của CNTB.

Vậy ta có thể KĐ rằng dù KHCN, máy móc có hiện đại đến đâu thì sức lđ vẫn là nhân tố duy nhất sang tạo ra GTTD.

* TB cố định và TB lưu động

Các bộ phận khác nhau của TB sx không chu chuyển 1 cách giống nhau. Sở dĩ như vậy là vì mỗi bộ phận TB dịch chuyển gtrị của nó vào sp theo những cách thức khác nhau. Căn cứ vào t/c chu chuyển khác nhau, người ta chia TB sx thành 2 bộ phận: TB cố định và TB lưu động.

TB cố định là 1 bộ phận của TB sx đồng thời là bộ phận chủ yếu của TB bất biến(máy móc, thiết bị, nhà xưởng…) TG toàn bộ vào qtrình sx, nhưng giá trị của nó ko chuyển hết 1 lần vào sp mà chuyển dần vào từng bước theo mức độ hao mòn của nó trong qtrình sx.

TB cố định dược sd lâu dài trong nhiều chu kì sx và nó bị hao mòn dần(.) qtrình. Có 2 loại hao mòn là hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình:

Hao mòn hữu hình là sự hao mòn về v/c, hao mòn GTSD. Hao mòn h2 do qtrình sd và sự t/đ của TN làm cho các bộ phận của TB cố định dần dần hao mòn đi tới chỗ hỏng và phải được thay thế.

Hao mòn vô hình là sự hm thuần tuý về mặt gtrị. Hm vô hình xảy ran gay cả khi máy móc còn tố nhưng bị mất giá vì xuất hiệncác máy móc hiện đại hơn, rẻ hơn hoặc có gtrị tương đương nhưng công suất cao hơn. Để tránh hm vô hình, các nhà TB tìm cách kéo dài ngày lđ, tăng cường độ lđ, tăng ca kíp làm việc… nhằm tận dụng máy móc trong t/g càng ngắn càng tốt.

Tăng tốc độ chu chuyển của TB cố định là 1 biện pháp qtrọng để tăng cường quỹ khấu hao tài sản cố định, làm cho lượng TB sd tăng lên tránh đc thiệt hại hm hữu hình do TN phá huỷ và hm vô hình gây ra. Nhờ đó mà có đk đổi mới thiết bị nhanh.

TB lưu động là 1 bộ phân của TB sx, gồm 1 phần TBBB(nguyên liệu, vật liệu phụ) và TBKB(sức lđ) đc tiêu dùng hoàn toàn(.) 1 chu kì sx và gtrị của nó đc chuyển toàn bộ vào sp (.) qtrình sx.

TB lưu động chu chuyển nhanh hơn TB cố định. Việc tăng tốc độ chu chuyển của TB lưu động có ý nghĩa quan trọng. Một mặt tốc độ chu chuyển của TB lưu động tăng lên sẽ làm tăng lương TB lưu động được sd trong năm, do đó tiết kiệm đc TBƯT; mặt khác do phát triển tốc độ chu chuyển của TB lưu động KB làm cho tỉ suất GTTD trong năm tanưg lên.

Việc phân chia TBƯT thành TBBB và TBKB là dựa vào vai trò của từng bộ phận TB(.) qtrình sx ra GTTD. Ở đây việc phân chia TB thành TB cố định và TB lưu động là đ2 riêng của cTB sx và căn cứ của sự phân chia là phương thức chuyển dịch gtrị của chúng vào sp trong qtrình sx, hay dựa vào phthức chu chuyển của TB.

Phân chia TB theo hình thức của sự chu chuyển

TBCĐ TBLĐ

C1 C2 v

TBBB TBKB

Trong đó: C1: gtrị máy móc, thiết bị, nhà xưởng.

C2: gtrị nguyên nhiên vliệu.

v: gtrị sức lđ.

Việc phân chia TB thành TBCĐ và TBLĐ o phản ánh được nguồn gốc sinh ra GTTD, nhưng lại có ý nghĩa quan trọng trong qlí kt. Nó là cơ sở để quản lí, sd vốn cố định, vốn lưu động 1 cách có hiệu quả cao. Đặc biệt, với sự pt của CMKHCN, sự đổi mới tiến bộ của thiết bị, công nghệ diễn ra hết sức nhanh chóng, thì việc giảm tối đa hm tài sản cố định nhất là đòi hỏi bức xúc đvới KH và NT quản lí kt.

Câu 12: Trình bày những giới hạn của CNTB ngày nay. CNTB có thể vượt qua được những giới hạn lịch sử của nó hay ko? Tại sao? Xu hướng vận động của CNTB ntn?

CNTB ngày nay là giai đoạn phát triển cao của CNTB độc quyền nằm trong phương thức sx TBCN, được phân tích kể từ sau CT TG thứ 2 đến nay, chủ yếu từ những năm 90 của TK XX. Dưới sự tđ của cuộc CM KH và CN, trong gđ này, LLSX đã có bước phát triểể mạnh mẽ cả về t/c và trình độ, đã làm cho QHSX TBCN có sự biến đổi thích ứng, làm nảy sinh những đặc điểm mới của CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước.

Trong quá trình phát triển, nếu chưa xét đến hậu quả nghiêm trọng đã gây ra đv loài người, thì CNTB vẫn có những mặt tích cực đv sx. Đó là: thực hiện xh hoá sx; phát triển LLSX, tăng năng suất lđ; chuyển sx nhỏ thành sx lớn hiện đại. Tuy nhiên, những thành tựu CNTB đạt được trong sự vận động đầy >< biểu hiện ở 2 xu hướng trái ngược nhau là phát triển và trí tuệ.

Ngay từ trong lsử ra đời, tồn tại và phát triển, CNTB đã biểu hiện ra rất nhiều hạn chế.

Trước hết, về lsử ra đời của CNTB. Thực chất TBCN ra đời gắn liền với quá trình tích luỹ nguyên thuỷ cảu TB. Đó là qtrình tích luỹ tiền tệ nhờ vào những biện pháp ăn cướp, tước đoạt đv những ng sx h2 nhỏ và nông dân tự do; nhờ vào hoạt động trao đổi, buôn bán ko ngang giá qua đó mà thực hiện sự bóc lột, nô dịch đối với những nước lạc hậu. Về qtrình tích luỹ nguyên thuỷ của TB, C.Mác cho rằng, đó là lsử đầy máu và bùn nhơ, "Qúa trình hình thành và phát triển của CNTB thấm đầy máu và nước mắt trogn tứng lỗ chân lông của nó".

Cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của CNTB là qhệ bóc lột cảu các nhà TB đv CN làm thuê.

Các cuộc CT TG với mục đích tranh giành thuộc địa và khu vựcn ảnh hưởng đã để lại cho loài người những hậu quả nặng nề: hàng trăm người vô tội bị giết hại, sức sx của xã hội bị fá huỷ, tốc độ ptr ktế của TG bị kéo lùi lại hàng chục năm.

CNTB đã tạo ra hố sâu ngăn cách giữa các nước giàu và các nước nghèo trên TG.

CNTB ngày nay, mặc dù đã có sự điều chỉnh thích nghi nhất định nhưng vẫn ko thể vượt qua những giới hạn lsử của nó.

Giới hạn lsử của CNTB bắt nguồn từ >< giữa t/c và trình độ chiếm hữu nô lệ tư nhân TBCN về TLSX. Mặc dù CNTB ngày nay đã có sự điều chỉnh nhất định trong những hình thức qhệ sở hữu, qlí và phân phối nhưng vẫn có thể khắc phục >< KQ này.

>< cơ bản nói trên biểu hiện ra thành những >< cụ thể sau đây:

- Một là, >< giữa TB và lđ. Sự phân cực giàu nghèo và tình trạng bất cong xh phát triển (TK 18 chênh lệch về mức sống giữa nước giàu nhất và nghèo nhất là 2,5 lần; hiện nay số chênh lệch tăng lên 250 lần) chứng tỏ bản chất boc lột GTTD vẫn tồn tại, dù được biểu hiện dưới hình thức tinh vi hơn. Cả sự bần cùng hoá tuyệt đối lẫn tương đối của g/c CN vẫn dang tồn tại. Tuy đại bộ phận tầng lớp trí thức và lđ có kĩ năng có việc làm đang đc cải thiện mức sống và giai nhập vào tầng lớp trung lưu, nhưng vẫn ko xoá đc sự phân hoá giàu nghèo sâu sắc.

- Hai là, >< giữa các dtộc thuộc địa và phụ thuộc đối với chủ nghĩa đế quốc. Ngày nay, >< này đang chuyển thành >< giữa các nước chậm phát triển bị lệ thuộc với các nước đế quốc. Nhiều nước chậm phát triển ko những bị vơ vét can kiệt TNTN mà còn mắc nợ ko thể trả đc. Ở tính ra riêng số lãi mà Brazin phải trả trong năm 1988 bằng 288tr xuất lương tối thiểu hay bằng xây nhà cho 30 tr ng, trong khi đó ước tính kh 2/3 dân B thiếu ăn.

- Ba là, >< giữa các nươcs TBCN với nhau, chủ yếu là 3 TT kt, chtrị hàng đầu của TG TB, giữa các tập đoàn TB xuyên quốc gia. >< này có phần dịu đi trong thời kì còn tồn tại sự đối đầu giữa 2 hệ thống TG TBCN và XHCN, nay có chiều hướng diễn biến phức tạp. Một mặt, sự phát triển của xu hướng quốc tế hoá đs kt và đòi hỏi cảu CM KH và CN khiến các nước phải lk với nhau. Mặt khác do tđ của ql phát triển ko đều và lợi ích cục bộ của g/c thống trị ở mỗi nước, các nước đó đã trở thành đối thủ cạnh tranh với nhau, tranh giành quyền lực và phạm vi ảnh hưởng trên TG, nhất là giữa 3 TT Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu. Biểu hiện của >< giữa các nước ấy là các cuộc cạnh tranh th mại, CT giữa các công ty xuyên quốc gia dưới hình thức; trên TT chứng khoán nơi đầu tư có lợi.

- Bốn là, >< giữa CNTB và CNXH: >< này là >< xuyên suốt thời đại quá độ lên CNXH trên phạm vi toàn TG. Chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ khiến xh tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng b/c thời đại ko hề thay đổi. Do đó, >< giữa CNTB và CNXH vẫn tồn tại 1 cách KQ.

* Xu hướng vận động của CNTB.

CNTB trong quá trình phát triển của nó, một mặt, đã thúc đẩy LLSX phát triển rất mạnh mẽ, tạo ra CSVCKT của nền sx lớn hiện đại; mặt khác, làm cho >< cơ bản của nó - >< giữa t/c xh hoá ngày càng cao của LLSX với t/c chiếm hữu tư nhân TBCN về TLSX thêm gay gắt.

Ngày nay, CNTB hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, KH, CN, TT đang có khả năng thích nghi và phát triển trong chừng mực nhất định; CNTB cũng đã buộc phải thực hiện 1số điều chỉnh giới hạn về QHSX, trong khuôn khổ của CNTB, song ko thể khắc phục nổi những >< vốn có của nó, ko thể vượt quá giới hạn lịch sử của nó.

Mặt khác, các QG độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết địnhcon đường phát triển tiến bộ của mình. CNXH trên TG, từ những bài học thành công và thất bại cũng như khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có đk và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Vì vậy, sớm hay muộn CNTB cũng sẽ bị thay thế = 1 chế độ mới, cao hơn, đó là XHCSCN mà gđ thấp nhất là CNXH.

Câu 1 :ý nghĩa của kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay.

Ý nghĩa : Đối với nước ta hiện nay trong điều kiện đất nước còn khó khăn chúng ta phải tăng cường sản xuất hàng hoá

Hàng hoá của Việt Nam muốn cạnh tranh được với các nước trên thế giới thì đòi hỏi tính chuyên môn hoá sản xuất cao. Chuyên môn hoá sản xuất càng cao thì chất lượng hàng hoá càng được nâng cao lên. Chất lượng tốt, số lượng nhiều, hao phí lao động ít thì mới chiếm lĩnh được thị trường.

Trong điều kiện hiện tại chúng ta cần mở rộng quan hệ giao lưu hàng hoá, đồng thời quan hệ với tất cả các nước trên thế giới trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi

Mở rộng việc chuyển giao công nghệ với các nước tiên tiến, nhằm tiếp thu những công nghệ mới để đáp ứng kịp thời với nhu cầu sản xuất hàng hoá

CÂU 3:Lượng giá trị hàng hoá được đo bằng gì?Những nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá?

Trả Lời :

+Giá trị hàng hoá là lao động của người sx kết tinh trong hàng hoá.

+Lượng giá trị hàng hoá là lượng lao động hao phí để tạo ra được hàng hoá.

*Thước đo lượng giá trị hàng hoá.

+Thời gian lao động cá biệt:Là lượng thời gian cần thiết để sản xuất ra hàng hoá của từng người do điều kiện sx,trình độ tay nghề… khác nhau.Thời gian lao động xã hội cần thiết để sx ra hàng hoá trong điều kiện trung bình của xã hội .Thời gian lao động xã hội cần thiết quýet định tới lượng giá trị hàng hoá.

=>Vậy lượng giá trị hàng hoá được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết .

=>Thông thường thì giá trị hàng hoá được quyết định bởi những người sx ra hàng hoá cung cấp đại đa số hàng hoá trên thị trường.

Những nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá.

*năng suất lao động :là năng lực của người sx được tính bằng số lượng sản phẩ sx ra trong 1 đơn vị thời gian hay số lượng thời gian để tạo ra 1 đơn vị hàng hoá.

Khi năng suất lao động tăng lên thì giá trị của 1 đơn vị hàng hoá sẽ giảm và ngược lại.Vậy giá trị của hàng hoá tỉ lệ nghịch với năg suất lao động.

*Cường độ lao động :là đại lượng chỉ mức độ hao phí sức lao động trong 1 đơn vị thời gian .Nó cho thấy mức độ khẩn trương ,căng thẳng ,nặng nhọc của người lao động.

Nếu cường độ lao động tăng lên thì khối lượng hàng hoá sx ra tăng lên và hao phí cũng tăng lên tương ứng .Vậy giá trị của đơn vị hàng hoá vẫn không thay đổi.

*Mức độ phức tạp của lao động cũng ảnh hưởng nhất định đến lượng giá trị của hàng hóa .Theo mức độ phức tạp của lao động có thẻ chia lao động thành :Lao động đơn giản và lao động phức tạp.

+Lao động giản đơn :là lao động không trải qua đào tạo vẫn có thể thực hiện được

+Lao động phức tạp :là lao động đòi hỏi phải được đào tạo,huấn luyện mới tiến hành được.

=>Vậy:trong cùng 1 thời gian,lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn lao động đơn giản.

Câu 15 : Nguyên nhân ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền?

CNTB trải qua hai giai đoạn :giai đoạn 1 CNTB tự do cạnh tranh

" " 2 " " độc quyền

Nguyên nhân chuyển biến của CNTB tự cạnh tanh tự do sang độc quyền

+) Lực lượng sản xuất phát triển dưới sự tác động cuả khoa học kĩ thuật thúc đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung sản xuất dẫn tới sự hình thành các xí nghiệp có qui mô lớn.

+)Những thành tựu khoa học kĩ thuật làm xuất hiện nhiều nghành mới,nhiều máy móc mới,nhiều phương tiện vận tải mới.Do đó đòi hỏi các xí nghiệp phải có qui mô lớn.

+) Dưới sự tác động của qui luật giá trị,qui luật giá trị thặng dư làm biến đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung với qui mô lớn.Các hình thức tín dụng phát triển sự cạnh ranh ngày càng khốc liệt ,một số xí nghiệp nhỏ thì bị phá sản,còn số khác thì nhập lại và hình thành lên các xí nghiệp lớn hơn kết quả hình thành lên các công ty cổ phần .Kết quả tạo điều kiện cho sự ra đời của các tổ chức độc quyền. Sự cạnh tranh này càng trở lên khốc liệt đến một mức độ nào đó xuất hiện xu hướng thỏa hiệp từ đó hình thành các công ty độc quyền ở nhiêù mức độ khác nhau

Vậy độc quyền là sự liên minh giữa các nhà tư bản lớn nhằm sản xuất và tiêu thụ một số hàng hóa nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

Câu 16 : So sánh giữa p' và m',p ngân hàng và lợi tức.

*So sánh giữa p' và m'.

Lợi nhuận là hình thức chuyển hóacủa giá trị thăng dư,nên tỉ xuất lợi nhuận cũng là sự chuyển hoá cuả tỷ xuất giá trị thặng dư .Vì vậy chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau

Nhưng p' va m' lại có sự khác nhau về cả chất và lượng.

-Về mặt chất :m' là quá trình bóc lột của nhà tư bản đối với người công nhân làm thuê

p' nói lên mức danh lợi của việc đầu tư tư bản

-Về mặt luợng :p'<m' vì :p'=m/(v+c) *100% còn m'=(m/v)*100%

Sự khác nhau giữa hàng hóa sức lao động và hàng hóa thông thường.

Cũng giống như hàng hóa khác hàng hoá sức lao động cũng có haio thuộc tính:Giá trị và giá trị sử dụng.

+ Giá trị hàng hóa sức lao động:nó khác với hàng hóa thông thường vì nó bao gồm cả hai yếu tố tinh thần và lịch sử.

+Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động:

Quá tình tiêu dùng hay sử dụng hàng hóa sức lao động khác với quá trình tiêu dùng hàng hóda thông thường ở chỗ:

-Hàng hoá thông thường sau quá trình sử dụng hay tiêu dùng thì giá tri và giá trị sử dụng cuả nó bị tiêu biến theo thời gian.

-Trái lại quá trình sử dụng hàng hóa sức lao động: đó là quá trình sản xuất ra một loại hàng hóa nào đó,đó là quá trình tạo ra một giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân hàng hóa sức lao động.

-Phần lớn đó chính là giá trị thặng dư mà nhà tư bản sẽ chiếm đoạt .Như vậy giá trị của hàng hoá sức lao động có tính chất đặc biệt,nó là nguồn gốc sinh ra giá trị ,tức là nó có thể tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó.

Note:M là khối lượng giá trị thặng dư .

M=m'*V

M: khối lượng m m':tỷ xuất m V=tổng tư bản khả biến (V=v*số lượng công).

CNTB ngày càng phát triển thì khối lượng m ngày càng tăng,vì trình độ bóc lột sức lao động ngày càng tăng

CÂU 4:Nội dung ,yêu cầu và tác động của quy luật giá trị?sự vận động của quy luật giá trị được biểu hiện ntn?

Trả lời:

*Nội dung và yêu cầu của quy luật gí trị:

+Quy luật giá trị:là quy luật kinh tế cơ bản của sx hàng hoá .Vì nó quyết định bản chất của sx hàng hoá,là cơ sở của tất cả các quy luật khác của sx hàng hoá.

+Nội dung của quy luật giá trị:Thêo yêu cầu của quy luật giá trị sx và trao đổi hàng hoá pahỉ dựa trên hao phí lao động xã hội cần thiết .

Trong sx:q.luật giá trị yêu cầu người sx hàng hoá phải hạ tháp hao phí lao động cá biệt của mình thấp hơn hoặc bằng hao phí lao động xã hội cần thiết để có lãi và đủ để bù đắp chi phí.

Trong lưu thông q.luật gí trị yêu cầu tất cả giá trị hàng hoá đem ra trao đổi đều phải tuân theo nguyên tắc ngang giá.

+Sự vận đông của q.luật này thông qua sự vận động của giá cả.

- cung<cấu ->giá cả >giá trị
- cung=cầu->giá cả = giá trị
- cung > cầu -> giá cả < giá trị

*hai tác động của q.luật giá trị:

+,Điều tiết sx và lưu thông hàng hoá:trong sx thêo mênh n lệnh của giá cả TLSX và SLĐ được phân phối 1 cách tự phát vào các ngành sx # nhau .trong lưu thông q.luật giá trị có tiêu dùng điều tiết nguồn hàng từ nơi giá thấp đến nơi giá cao góp phần làm cho hàng hoá giữa các vùng có sự cân bằng nhất định.

+Kích thích cải tiến kĩ thuật hợp lý hoá sx, tăng Năng suất LĐ ,giảm giá thành sản phẩm,thúc đẩy lực lượng sx xã hội nhanh chóng.

+phân hoá những người sx thành ng giàu,ng nghèo ,ng nào có hao phí lao động cá biệt < hao phí LĐ xã hội thì sẽ thu được nhiều lợi nhuận ,giàu lên ,có thể mở rộng sx kinh doanh,…Ngược lại,ng sx nào có hao phí LĐ cá biệt > LĐ xã hội cần thiết thì sẽ rơi và tình trạng thua lỗ,nghèo đi ,phá sản ,trở thành ng LĐ làm thuê. Đây cũng là nguyên nhân làm xuất hiện quan hệ sx TBCN,cơ sở ra đời của CNTB.Như vậy q.luật giá trị vừa thúc đẩy sx phát triển vừa phân hoá thanh ng giầu ng nghèo.

*Sự vân động của q.luật giá trị được biểu hiện thông qua sự vận động của giá cả hàng hoá.

Vì giá trị là cơ sở của giá cả ,nên giá cả phụ thuộc vào giá trị.Hàng hoá nào nhiều giá trị thì giá cả của nó sẽ cao và ngược lại.Trên thị thường ,ngoài giá trị cả còn phụ thuộc vào các nhân tố :cạnh tranh ,cung cầu,sức mua của đồng tiền .Sự tác động của các nhân tố này làm cho giá cả hàng hoá trên thị trường tách rời với giá và lên xuống xoay quanh trục giá trị của nó chính là cơ chế hoạt động của q.luật giá trị .Thông sự vận động của giá cả thị trường mà q.luật giá trị phát huy tác dụng.